

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HC-ST**
Ngày: 24 - 5 - 2018
V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy
các quyết định hành chính về
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Sương
2. Bà Vũ Thị Mùi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Quang Vũ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Bà Đỗ Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2017 về: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐ9ST ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn N (Nguyễn N), sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số 108, tổ 26, đường Nguyễn T, khu phố 5, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Địa chỉ: UBND tỉnh Đ, số 2, Phan V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lưu Thị Mai H – hiện đang công tác tại Chi cục Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Chủ tịch UBND huyện V.

- Ủy ban nhân dân huyện V.

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L – Phó Chủ tịch UBND huyện V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1933.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1938.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, khu phố 2, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố 2, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 108, tổ 26, đường Nguyễn T, khu phố 5, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số 108, tổ 26, đường Nguyễn T, khu phố 5, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/8/2017, các bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 26/10/1987, UBND thị xã A (nay là UBND huyện V) ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBTX. Theo đó, UBND thị xã A xét cấp cho ông diện tích đất 850m² tại khu quy hoạch dân cư khu phố 2, thị trấn A. Sau khi nhận đất, do ông thường xuyên đi công tác xa nhà, điều kiện kinh tế khó khăn nên chỉ trồng cây xanh bao quanh diện tích đất trên. Trong thời gian này, ông Nguyễn Văn T đến tự động trồng cây hoa màu trên đất. Sau khi phát hiện ra sự việc trên, ông và ông T đã trao

đổi bằng miệng rằng ông T chỉ được trồng cây hoa màu ngắn ngày, khi cần thì ông sẽ lấy lại đất. Gia đình ông T sử dụng diện tích đất trên được 03 năm thì chuyển sang trồng cây hoa màu lâu năm mà chưa được sự đồng ý của ông. Từ đó đến nay, gia đình ông T tỏ rõ quyết tâm chiếm giữ phần đất trên nên giữa gia đình ông và gia đình ông T có xích mích, cự cãi.

Năm 1996, trên cơ sở khiếu kiện của ông, UBND thị trấn A có mời hai bên lên để giải quyết nhưng gia đình ông T vẫn không giao trả đất. Năm 1999, UBND thị trấn A tiếp tục mời hai bên lên giải quyết lần hai. Lần này gia đình ông T yêu cầu ông đền bù 1.000.000đ bao gồm số gốc cây ông T đã trồng và tiền thu đất vì ông T bảo có nộp thuế nhà nước và tiền chi bồi dưỡng việc ông T trông nom đất trong thời gian canh tác. Vợ chồng ông đồng ý và đã đưa cho ông T 700.000đ. Sau khi nhận tiền, gia đình ông T vẫn không giao trả đất cho gia đình ông mà vẫn tiếp tục chiếm giữ đất. Mỗi lần vợ chồng ông đến để trông coi, canh tác đất thì đều bị người nhà ông T ngăn cản.

Sau nhiều lần hòa giải không thành, UBND thị trấn A chuyển hồ sơ lên cho Thanh tra huyện V và Thanh tra huyện V chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xem xét, giải quyết.

Ngày 29/3/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V mời ông lên công bố Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông với ông Nguyễn Văn T. Theo đó, Chủ tịch UBND huyện V đã bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với nội dung của Quyết định 792/QĐ-UBND, ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 12/8/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 5543/UBND-NC gửi Chủ tịch UBND huyện V, yêu cầu thu hồi Quyết định 792/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 và giải quyết đơn của ông theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2011, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3968/QĐ-UBND, thu hồi Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 của Chủ tịch UBND huyện V và chỉ đạo UBND thị trấn A tổ chức hòa giải lại đơn tranh chấp của ông theo quy định.

Ngày 19/7/2012, Hội đồng hòa giải của UBND thị trấn A tổ chức hòa giải tranh chấp giữa ông và ông T nhưng không thành.

Ngày 27/02/2013, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2089/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông. Theo đó, Chủ tịch UBND huyện V đã bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với nội dung Quyết định 2089/QĐ-UBND (*sau đây gọi tắt là Quyết định 2089*), ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 10/10/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 6338/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1000/QĐ-UBTX ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A vì cho rằng quyết định này ban hành trái pháp luật.

Ngày 20/5/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1428/QĐ-UBND giải quyết lần hai đơn khiếu nại của ông. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai công nhận Quyết định số 2089/QĐ-UBND và bác đơn khiếu nại của ông.

Nay, ông khởi kiện lên Tòa án, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hủy Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V, hủy Quyết định số 6338/QĐ-UBND (*sau đây gọi tắt là Quyết định 6338*) của UBND huyện V và hủy Quyết định số 1428/QĐ-UBND (*sau đây gọi tắt là Quyết định 1428*) ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Theo các bản cung cấp ý kiến, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, UBND huyện V trình bày:

Diện tích đất 850m² tại thị trấn A có nguồn gốc là đất rừng do Nhà nước quản lý. Diện tích đất trên hiện do ông Nguyễn Văn T sử dụng để trồng trà. Về quá trình sử dụng đất, ông N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông có thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Do đó, ông N yêu cầu được sử dụng diện tích đất trên là không có cơ sở để xem xét.

Việc UBND thị xã A giao đất cho ông theo Quyết định số 1000/QĐ-UBTX (*sau đây gọi tắt là Quyết định 1000*) ngày 26/10/1987 là không đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2, mục V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước. Mặt khác, từ khi được giao đất đến nay, ông N không sử dụng. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 14 của Luật Đất đai năm 1987, khoản 3 Điều 26 của Luật Đất đai năm 1993 và Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003, trường hợp của ông N thuộc một trong các trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Từ những căn cứ trên, ngày 27/02/2013, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 2089 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn N. Ngày 10/10/2013, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 6338 về việc thu hồi Quyết định số 1000 của UBND thị xã A.

Việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2089 ngày 27/02/2013 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1428 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn N.

Do đó, UBND huyện V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với Quyết định 2089 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định 6338 của UBND huyện V.

Theo các bản cung cấp ý kiến, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là ông Võ Văn C trình bày:

Căn cứ kết quả xác minh một số trường hợp được UBND thị xã A cấp đất cùng thời điểm với trường hợp của ông Nguyễn Văn N, xác định ông N được UBND thị xã A cấp đất để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1000, diện tích đất 850m² là có thực. Tuy nhiên, kể từ khi bàn giao đất, ông N không trực tiếp sử dụng đất, không xây dựng nhà ở theo nội dung của quyết định cấp đất, không thực hiện đăng ký kê khai và kê khai nộp thuế sử dụng đất. Mặc dù ông N biết ông T sử dụng đất của mình nhưng không có ý kiến. Đến năm 1999 ông N mới thực hiện đăng ký đất đai, đăng ký trùng với thửa đất ông T đã đăng ký.

Biên bản làm việc ngày 12/9/1996 của UBND thị trấn A xác định hộ ông Nguyễn Văn T là người đang trực tiếp sử dụng phần đất trên (thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 62, thị trấn A, trong đó có 850m² đất đang tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông T đã thực hiện kê khai nộp thuế đất nông nghiệp và nộp thuế sử dụng đất đến năm 1998.

Đối với nội dung ông N cho rằng đã giao số tiền 700.000đ cho ông T để được nhận lại phần đất 850m², phía gia đình ông T xác định chỉ nhận 500.000đ tiền mua cây của ông T. Phía gia đình ông T khẳng định ông T không ký nhận vào biên bản của hai cuộc họp ngày 12/9/1996 và ngày 21/02/1998 được tổ chức tại UBND thị trấn A như trong biên nhận giao tiền giữa ông N và ông T có ghi. Qua xác minh,

không có cơ sở để xác định ông T nhận tiền của ông N để trả lại diện tích đất 850m² nêu trên.

Từ những căn cứ trên, Quyết định số 2089 của Chủ tịch UBND huyện V giải quyết bác đơn của ông Nguyễn Văn N là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003; Luật Đất đai năm 2003; Điều 264 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 1428 giải quyết bác đơn của ông Nguyễn Văn N, công nhận Quyết định số 2089 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2014, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V đã mời ông Nguyễn Văn N đến giao Quyết định số 1428 cho ông N. Do đó, tính đến thời điểm ông N khiếu kiện lên Tòa án thì đã mất quyền khởi kiện do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, UBND tỉnh Đ không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị T (ông T, bà C ủy quyền cho bà T) trình bày:

Ngày 10/7/1975, gia đình bà và các hộ gia đình khác từ Thành phố Hồ Chí Minh được Nhà nước đưa đi kinh tế mới và gia đình bà đã khai hoang rừng nguyên sinh để lấy đất làm nhà ở và sản xuất lương thực nhằm ổn định cuộc sống. Trong số đất khai hoang có phần diện tích đất 850m² mà ông Nguyễn Văn N và gia đình bà tranh chấp. Gia đình bà đã trực tiếp sản xuất từ năm 1976 đến nay và đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước đầy đủ. Trong suốt thời gian sinh sống tại địa phương, gia đình bà chưa bao giờ rời đi và cũng không có cơ quan nào đến thông báo hoặc ra quyết định thu hồi đất để cấp cho cán bộ làm nhà ở.

Ngày 04/9/2014, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 315, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 2.146,3m². Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất. Ngày 26/9/2014, ông T, bà C đã tặng cho bà toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất trên.

Ông N dựa trên Quyết định số 1000 của UBND thị xã A để khiếu kiện nhưng trong quyết định không ghi rõ đất nằm ở vị trí nào. Ông N biết ông T là người

không biết chữ nên đã lừa ông T và viết 01 biên nhận giao tiền, nội dung trong giấy thì viết khác còn đọc cho ông T nghe nội dung mua cây bạch đàn. Do ông T tưởng thật nên mới ký tên vào tờ giấy đó.

Đối với yêu cầu khiếu kiện của ông Nguyễn Văn N, bà không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án giữ nguyên 03 Quyết định số 2089 của Chủ tịch UBND huyện V, Quyết định số 6338 của UBND huyện V và Quyết định số 1428 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mai L thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn N.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ: Các Quyết định cấp đất cho ông Nguyễn Văn N vào năm 1987 là có nhưng cấp không đúng và ông N cũng sử dụng, không đăng ký kê khai. Đến năm 1999 và năm 2007 ông N mới đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nhưng lại đăng ký diện tích của người khác đã đăng ký. Năm 1987 lúc đó ông N cũng đã có nhà ở. Nên việc cấp đất trên là phải cấp cho người có nhu cầu về nhà ở và phải làm nhà ở. Nên việc UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V thu hồi việc cấp đất cho ông N là đúng theo quy định. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiên hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung: Ngày 26/10/1987 UBND thị xã A (nay là UBND huyện V) có Quyết định số 1000/QĐ.UBTX xét cấp cho ông Nguyễn Văn N diện tích đất 850m² nằm trong tổng diện tích 3.899,4m² thuộc một phần thửa đất số 33 tờ bản đồ số 62 thị trấn A có nguồn gốc là đất rừng do nhà nước quản lý. Sau khi được giao đất, ông N không canh tác sử dụng đất theo quyết định; ông N cho rằng ông Nguyễn Văn T đã tự ý sử dụng trồng cây hoa màu và trồng tràm trên đất. Năm 1996 ông N khiếu nại tranh chấp đất trên. Sau khi tiến hành việc đối thoại, Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định số 6338/QĐUBND của UBND huyện V về việc thu hồi Quyết định số 1000/QĐ-

UBTX ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A, Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2. Như vậy các Quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại quy định tại các Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại. Việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 792/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 và đến ngày 06/9/2011 Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định 3968/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định 792/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện V. Ngày 27/02/2013 Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 2089/QĐ-UBND; Ngày 20/5/2014 Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1428/QĐ-UBND giải quyết bác đơn tranh chấp của ông N và công nhận Quyết định 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V. Quyết định số 1428/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ được ban hành đúng trình tự thủ tục, nội dung không trái quy định pháp luật. Nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Đ bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N đề ngày 23/9/2013 về tranh chấp quyền sử dụng diện tích 850m² thuộc một phần thửa số 33 tờ bản đồ số 62 thị trấn A với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và công nhận Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng pháp luật. Nên việc ông Nguyễn Văn N yêu cầu Hủy Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A và yêu cầu Hủy Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V, Chủ tịch UBND huyện V có đơn xin xét xử vắng mặt. ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lưu Thị Mai H– hiện đang

công tác tại Chi cục Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ (theo văn bản yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 11550/UBND-NC ngày 07/11/2017) là phù hợp với thủ tục tố tụng nên được chấp nhận.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi Quyết định số 1000/QĐ-UBTX ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A, Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngày 04/9/2013 UBND huyện V tổng đạt quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V (BL 20) về việc giải quyết khiếu nại lần 1 cho ông Nguyễn Văn N, đến ngày 15/7/2014 ông N khởi kiện quyết định này. Căn cứ khoản 1, khoản 2 điểm a, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, ông N nộp đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Ngày 15/7/2014, ông Nguyễn Văn N khởi kiện các Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 và Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện V, vụ án được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông N, ngày 30/8/2016 Tòa án nhân dân huyện V ban hành bản án số 03/2016/HC-ST, do không đồng ý với quyết định của bản án nên ông N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 29/9/2016 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ có quyết định kháng nghị bản án số 03/2016/HC-ST và đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm. Tại bản án số 08/2017/HC-PT ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã hủy bản án số 03/2016/HC-ST ngày 30/8/2016 và giao cho TAND huyện V giải quyết lại.

- Ngày 23/8/2017, ông Nguyễn Văn N khởi kiện bổ sung Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, vụ án được Tòa án nhân dân huyện V chuyển đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết; việc chuyển vụ án này là phù hợp với Khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Nội dung khiếu kiện:

Quyết định hành chính bị khiếu kiện là Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V, Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày

10/10/2013 của UBND huyện và Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

3.1. Thẩm quyền và hình thức ban hành các quyết định bị khiếu kiện:

- Về thẩm quyền:

Theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị quyết số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đồng thời, có trách nhiệm thu hồi lại Quyết định cấp đất trong quá trình xét cấp Giấy chứng nhận. Vì vậy, UBND huyện V và UBND tỉnh Đ ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng thẩm quyền pháp luật quy định.

- Về hình thức:

Đối với Quyết định 2089 và Quyết định 1428 là quyết định giải quyết khiếu nại của công dân về nội dung trong các quyết định không thay đổi; Quyết định số 6338 là quyết định hành chính được ban hành theo quy định của pháp luật.

3.2. Về nội dung các quyết định bị khiếu kiện:

- Về nguồn gốc đất: Phần đất có diện tích 850m² các bên đang tranh chấp thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 62, thị trấn Vĩnh An có nguồn gốc là đất rừng do Nhà nước quản lý.

Theo ông N trình bày: Ngày 26/10/1987, UBND thị xã A (nay là UBND huyện V) ban hành quyết định số 1000/QĐ-UBTX. Theo đó, UBND thị xã A xét cấp cho ông diện tích đất 850m² tại khu quy hoạch dân cư khu phố 2, thị trấn A. Sau khi nhận đất, do ông thường xuyên đi công tác xa nhà, điều kiện kinh tế khó khăn nên chỉ trồng cây xanh bao quanh diện tích đất trên. Trong thời gian này, ông Nguyễn Văn T đến tự động trồng cây hoa màu trên đất. Sau khi phát hiện ra sự việc trên, ông và ông T đã trao đổi bằng miệng rằng ông T chỉ được trồng cây hoa màu ngắn ngày, khi cần thì ông sẽ lấy lại đất. Do gia đình ông T có ý định chiếm dụng diện tích đất trên nên xảy ra tranh chấp.

Theo Ông T, bà T trình bày: Ngày 10/7/1975, gia đình bà và các hộ gia đình khác từ Thành phố Hồ Chí Minh được Nhà nước đưa đi kinh tế mới và gia đình bà đã khai hoang rừng nguyên sinh để lấy đất làm nhà ở và sản xuất lương thực nhằm ổn định cuộc sống. Trong số đất khai hoang có phần diện tích đất 850m² mà ông

Nguyễn Văn N và gia đình bà tranh chấp. Gia đình bà đã trực tiếp sản xuất từ năm 1976 đến nay và đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước đầy đủ. Trong suốt thời gian sinh sống tại địa phương, gia đình bà chưa bao giờ rời đi và cũng không có cơ quan nào đến thông báo hoặc ra quyết định thu hồi đất để cấp cho cán bộ làm nhà ở.

Ngày 04/9/2014, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 315, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 2.146,3m². Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất. Ngày 26/9/2014, ông T, bà C đã tặng cho bà toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất trên.

- Đối với yêu cầu của ông N đề nghị hủy Quyết định 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ:

Căn cứ kết quả xác minh một số trường hợp được UBND thị xã A cấp đất cùng thời điểm, xác định ông N được UBND thị xã A cấp đất để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1000/QĐ-UBTX ngày 26/10/1987, diện tích đất 850m² là có thực. Tuy nhiên, kể từ khi bàn giao đất, ông N không trực tiếp sử dụng đất, không xây dựng nhà ở theo nội dung của quyết định cấp đất, không thực hiện đăng ký kê khai và kê khai nộp thuế sử dụng đất.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 12/9/1996 của UBND thị trấn A xác định hộ ông Nguyễn Văn T là người đang trực tiếp sử dụng phần đất trên (thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 62, thị trấn A, trong đó có 850m² đất đang tranh chấp). Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông T đã thực hiện kê khai nộp thuế đất nông nghiệp và nộp thuế sử dụng đất đến năm 1998.

Đối với nội dung ông N cho rằng đã giao số tiền 700.000đ cho ông T để được nhận lại phần đất 850m², phía gia đình ông T xác định chỉ nhận 500.000đ tiền mua cây của ông T. Phía gia đình ông T khẳng định ông T không ký nhận vào biên bản của hai cuộc họp ngày 12/9/1996 và ngày 21/02/1998 được tổ chức tại UBND thị trấn A như trong biên nhận giao tiền giữa ông N và ông T có ghi. Qua xác minh, không có cơ sở để xác định ông T nhận tiền của ông N để trả lại diện tích đất 850m² nêu trên.

Căn cứ Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003; Luật Đất đai năm 2003; Điều 264 Luật Tổ

tụng hành chính năm 2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 1428 giải quyết bác đơn của ông Nguyễn Văn N, công nhận Quyết định số 2089 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V:

Về nội dung quyết định 1000/QĐ-UBND ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A: Tại điều 1 của Quyết định 1000 của Ủy ban nhân dân Thị xã A thể hiện “*nay cấp phân đất cho ông Nguyễn N diện tích 850m² để xây nhà ở trong phạm vi quy định quy hoạch khu dân cư, nằm ở lô 63 (có mặt bằng cấp đất kèm theo*”.

Căn cứ điểm a khoản 2, mục V quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì:

“2. *Thẩm quyền về giao đất để sử dụng : Việc giao đất nông nghiệp, đất thổ cư nông thôn và đô thị trên 2 héc-ta hoặc phải di dân trên 20 hộ để lấy đất làm việc khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; từ 2 héc-ta trở xuống hoặc phải di dân từ 20 hộ trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định*”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thị xã A (nay là huyện V) ban hành Quyết định 1000 cấp cho ông Nguyễn N (Nguyễn Văn N) diện tích đất 850m² đất ở là trái quy định nêu trên về thẩm quyền giao đất, trường hợp này thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ khi giao đất đến nay ông Nam không sử dụng đất, do đó căn cứ khoản 5 Điều 14 Luật đất đai năm 1987 “... người sử dụng đất không sử dụng đất được giao trong 6 tháng liền mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất đó cho phép” và khoản 3 điều 26 luật đất đai 1993 “...đất không sử dụng trong thời gian 12 tháng liền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất cho phép” và Điều 38 Luật đất đai 2003 thì trường hợp của ông N thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V:

Về thẩm quyền ban hành các quyết định trên: Theo quy định của pháp luật và Luật đất đai 2003 thì thẩm quyền giao đất và thu hồi quyết định giao đất là của

UBND huyện V . Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V thu hồi Quyết định số 1000/QĐ-UBTX ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A (nay là UBND huyện V) ban hành là đúng thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: trong quá trình giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn T , Ủy ban nhân dân huyện V đã phát hiện Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh An ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBTX ngày 26/10/1987 của UBND thị xã A (nay là UBND huyện V) cấp cho ông Nguyễn N (Nguyễn Văn N) diện tích đất 850m² đất ở là trái với quy định của pháp luật.

Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 là đúng trình tự thủ tục theo pháp luật quy định.

Từ những nhận định trên, xét thấy UBND huyện V và UBND tỉnh Đ ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định hành chính về việc thu hồi Quyết định cấp đất cho ông Nguyễn Văn N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phù hợp một phần với nhận định nêu trên của Tòa án nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2003; Áp dụng Điều 31, Điều 33 và Điều 40 Luật Khiếu nại; Căn cứ Điều 136, Điều 140 và Điều 143 Luật Đất đai năm 2003; Quyết

định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội Đồng Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện V; Quyết định số 6338/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện V; Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm 300.000đ. Số tiền 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm ông N đã nộp tại biên lai thu số 001429 ngày 31/10/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V được tính trừ án phí sơ thẩm ông N phải chịu. Ông N còn phải nộp tiếp 100.000đ.

3. Quyền kháng cáo

- Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, Ủy ban nhân dân huyện V, Chủ tịch UBND tỉnh Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN (1);
- Dương sự (8);
- THA DS tỉnh ĐN (1);
- Lưu (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào

